

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
LUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC
(Trình Chính phủ)

Đề cương Luật cấp, thoát nước được xây dựng trên cơ sở đồng bộ, thống nhất với các luật có liên quan; kế thừa, phát triển những quy định từ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải; quy định các nội dung về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải còn thiếu, khoảng trống trong các luật hiện hành; bổ sung các quy định có tính chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, nội dung quản lý cấp, thoát nước bằng Luật; Giải quyết được các tồn tại, bất cập trong công tác quản lý cấp, thoát nước trên thực tế; xử lý được khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân kiến nghị trong quá trình thực thi các quy định của pháp luật về cấp, thoát nước trong thời gian qua.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật Cấp, thoát nước quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch, đầu tư phát triển dịch vụ cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải khu đô thị, nông thôn và khu chức năng; quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều này kế thừa các giải thích từ ngữ liên quan đến cấp nước, thoát nước

và xử lý nước thải tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Giải thích các từ ngữ, cụm từ liên quan đến nước sạch, nước sinh hoạt, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước sạch, xử lý nước thải, dịch vụ cấp, thoát nước, vùng cấp nước, vùng phục vụ cấp nước, lưu vực thoát nước, cấp nước phân tán, xử lý nước thải phân tán, tại chỗ, ...

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

1. Hoạt động cấp nước sạch là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát của nhà nước; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Dịch vụ cấp nước phải bảo đảm cấp nước an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; dịch vụ thoát nước phải bảo đảm quản lý thoát nước an toàn và bền vững, kiểm soát, phòng chống ngập úng.

3. Quản lý hoạt động cấp nước sạch theo điều kiện nguồn nước, kinh tế - xã hội và không phụ thuộc vào địa giới hành chính; quản lý hoạt động thoát nước theo điều kiện địa hình, bố trí dân cư và lưu vực sông.

4. Tổ chức, cá nhân được quyền tiếp cận nguồn nước sạch theo hệ thống cấp nước sạch; được thoát nước mưa, xả nước thải theo hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

5. Tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ cấp nước, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

6. Bảo vệ hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước là trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân; quản lý rủi ro gắn với việc bảo đảm sự hoạt động bình thường, ổn định của hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước.

7. Bảo đảm hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả; bảo đảm an ninh, an toàn cấp thoát nước, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 5. Chính sách phát triển cấp, thoát nước

1. Phát triển hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước góp phần đẩy mạnh sự phát triển của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các nhu cầu sử dụng nước sạch cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, đồng thời đóng góp vào việc bảo toàn chất lượng nước của lưu vực sông.

2. Bố trí kinh phí thực hiện điều tra cơ bản về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; xây dựng hệ thống giám sát, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

3. Ưu tiên, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử

lý nước thải ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

4. Ưu đãi thuế đối với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật về thuế.

5. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong trường hợp phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng.

6. Đa dạng hoá hình thức đầu tư; khuyến khích xã hội hóa ngành nước, huy động, khai thác tối ưu nguồn lực tham gia đầu tư phát triển và quản lý, vận hành công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải.

7. Hỗ trợ đào tạo, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường trong quản lý, đầu tư phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Điều 6. Phổ biến, giáo dục về cấp, thoát nước

Điều 7. Sự tham gia của cộng đồng

Điều 8. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cấp, thoát nước

Điều 9. Ứng dụng khoa học công nghệ trong đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp, thoát nước

Điều 10. Sử dụng đất cho công trình cấp, thoát nước

Điều 11. Sử dụng nguồn nước cho hệ thống cấp nước

Điều 12. Quản lý công trình cấp, thoát nước đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật khác

Điều 13. Cấp nước phòng cháy chữa cháy.

Điều 14. Hợp tác quốc tế trong hoạt động cấp, thoát nước

Điều 15. Các hành vi bị cấm

Điều này kế thừa các hành vi bị cấm liên quan đến công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP và Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

CHƯƠNG II

ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH CẤP THOÁT NƯỚC

Mục 1. Điều tra cơ bản và chiến lược phát triển cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Việc theo dõi, quản lý cập nhật cơ sở dữ liệu không thường xuyên, không đồng bộ và chưa ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin. Do đó, việc quy định trong Luật nhằm tăng cường công tác quản lý cơ sở dữ liệu và thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải phục vụ cho việc chiến lược, quy hoạch, lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và cung cấp thông tin cho người dân trong hoạt động cấp thoát nước.

Điều 16. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp, thoát nước

Quy định hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; quản lý, sử dụng và chia sẻ thông tin về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Điều 17. Hoạt động điều tra cơ bản về cấp, thoát nước

Quy định hoạt động, nội dung, kế hoạch và trách nhiệm điều tra cơ bản; điều tra cơ bản được tiến hành 05 năm/lần.

Điều 18. Chiến lược phát triển cấp, thoát nước

Chiến lược phát triển cấp, thoát nước đưa quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trở thành mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình, đề án cụ thể thực hiện theo từng thời kỳ, đáp ứng yêu cầu phát triển cấp, thoát nước.

Mục 2

Quy hoạch, chiến lược và kế hoạch phát triển cấp, thoát nước

Điều 19. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch xây dựng

Điều 20. Quy hoạch chuyên ngành cấp nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Quy định căn cứ, nội dung; trình tự lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đề án quy hoạch chuyên ngành.

Điều 21. Quy hoạch chuyên ngành thoát nước đô thị và nông thôn đối với đô thị từ loại III.

Nội dung này đề xuất quy định trong Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Điều này quy định một số nội dung cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyên ngành.

Điều 22. Kế hoạch phát triển cấp, thoát nước

Quy định cụ thể hóa nội dung quy hoạch cấp, thoát nước trong quy hoạch tỉnh; làm cơ sở lập các dự án đầu tư.

CHƯƠNG III

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC

Mục 1

Đầu tư xây dựng công trình cấp nước

Điều 23. Quản lý đầu tư xây dựng công trình cấp nước

Quy định về chủ quản đầu tư, chủ sở hữu, chủ đầu tư dự án, công trình cấp nước; về lựa chọn công nghệ, phương án cấp nước; hình thức đầu tư; đầu tư trong trường hợp cấp bách; quản lý đầu tư theo vùng cấp nước.

Điều 24. Sử dụng vật liệu, trang thiết bị cho công trình cấp nước

Quy định nguyên tắc sử dụng vật liệu, trang thiết bị cho công trình cấp nước đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng nước sinh hoạt; vật liệu ống và trang thiết bị nằm chìm dưới đất đáp ứng yêu cầu chống ăn mòn, độ bền cao theo thời gian.

Điều 25. Nguồn lực đầu tư xây dựng công trình cấp nước

Quy định về các nguồn lực đầu tư công trình cấp nước; các nguyên tắc sử dụng vốn nhà nước cho đầu tư công trình cấp nước; trong đó cụ thể cho khu vực nông thôn nghèo, vùng sâu, xa, biên giới, hải đảo, khu vực khó khăn về nguồn nước, chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu.

Điều 26. Quản lý đầu tư cấp nước phân tán

Quy định các mô hình tổ chức quản lý, đầu tư, vận hành công trình cấp nước phân tán cho khu vực dân cư nông thôn vùng sâu, xa, biên giới và hải đảo; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 27. Quản lý đầu tư cấp nước quy mô liên tỉnh

Quy định mô hình tổ chức quản lý, đầu tư, vận hành công trình cấp nước quy mô từ 02 tỉnh trở lên; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Mục 2

Đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải

Điều 28. Quản lý đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định chủ quản đầu tư, chủ sở hữu, chủ đầu tư dự án, công trình thoát nước và xử lý nước thải; phân cấp quản lý đầu tư; hình thức đầu tư.

Điều 29. Nguồn lực đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định về các nguồn lực đầu tư công trình thoát nước chống ngập, thu gom và xử lý nước thải; quy định nguyên tắc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, tư nhân và các nguồn vốn khác cho khu vực đô thị, khu chắc năng, khu dân cư nông thôn tập trung.

Điều 30. Quản lý dự án đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định yêu cầu chuyên ngành trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư công trình; đánh giá, lựa chọn công nghệ, phương án, phân kỳ xây dựng; tổ chức đầu tư đáp ứng tính đồng bộ từ nhà máy xử lý, đường ống thu gom đến đầu nối nước thải.

Điều 31. Quy định đầu tư dự án thoát nước và xử lý nước thải phân tán, cục bộ

Quy định giải pháp thoát nước và xử lý nước thải phân tán, cục bộ được áp dụng đối với các khu hoặc điểm dân cư nông thôn, khu đô thị mới, hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình... không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung.

CHƯƠNG IV

VẬN HÀNH, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC

Mục 1

Vận hành, khai thác công trình cấp nước

Điều 32. Lựa chọn đơn vị cấp nước

Quy định nguyên tắc lựa chọn đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước theo vùng phục vụ cấp nước, vùng cấp nước; quy định nguyên tắc thay đổi đơn vị cấp nước khi không đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ.

Điều 33. Vùng phục vụ cấp nước

Quy định việc giao vùng phục vụ cấp nước cho đơn vị cấp nước; các yêu cầu quản lý theo vùng phục vụ cấp nước; việc điều chỉnh vùng phục vụ cấp nước đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Điều 34. Quy định về vận hành, khai thác công trình cấp nước

Quy định nguyên tắc về yêu cầu về năng lực quản lý vận hành công trình; trách nhiệm của các bên liên quan đến thành lập hoặc thuê tổ chức thực hiện vận hành, duy tu, bảo dưỡng tài sản công trình; công cụ theo dõi, kiểm soát quy trình vận hành cấp nước sạch.

Mục 2

Vận hành, khai thác công trình thoát nước và xử lý nước thải

Điều 35. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Quy định nguyên tắc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện dịch vụ thoát nước; các yêu cầu về năng lực, trang thiết bị của đơn vị thoát nước; quy định tổ chức đơn vị thoát nước tại địa phương.

Điều 36. Kiểm soát năng lực vận hành công trình thoát nước và xử lý nước thải

Quy định cấp giấy phép “Thực hiện dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải” cho đơn vị thoát nước tham gia quản lý vận hành và bảo trì hệ thống thoát nước

Điều 37. Quản lý lưu vực thoát nước và phân vùng thoát nước

Quy định nguyên tắc quản lý, phân vùng thoát nước, lưu vực thoát nước

Điều 38. Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải tại địa phương

Quy định tổ chức, nội dung, phân cấp quản lý hoạt động thoát nước tại địa phương

Điều 39. Quy định về quản lý vận hành, khai thác công trình

Quy định về yêu cầu quản lý, vận hành, bảo trì công trình thoát nước mưa chống ngập, thu gom và xử lý nước thải; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý vận hành công trình.

Điều 40. Quản lý cao độ nền đô thị, khu dân cư gắn với hoạt động thoát nước chống ngập

Điều 41. Quản lý hồ điều hòa, thoát nước chống ngập

Quy định liên quan đến hồ điều hòa, thoát nước chống ngập trong quy hoạch đô thị và nông thôn, phát triển, bố trí dân cư.

Điều 42. Quản lý bùn thải

Quy định về quản lý, thu gom và xử lý bùn thải từ nhà máy xử lý nước thải, hệ thống cống, kênh rạch tiêu thoát nước.

Điều 43. Quản lý cửa xả và chất lượng nước thải sau xử lý

Điều 44. Tái sử dụng nước mưa, nước thải sau xử lý

Quy định quản lý tuần hoàn tái sử dụng nước từ nguồn nước mưa, nước thải sau xử lý.

Điều 45. Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công trình thoát nước và xử lý nước thải

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ DỊCH VỤ CẤP, THOÁT NƯỚC

Mục 1

Quản lý dịch vụ cấp nước

Điều 46. Quyền và trách nhiệm của đơn vị cấp nước và khách hàng sử

dụng nước sạch

Điều 47. Quy định điều kiện kinh doanh nước sạch

Quy định nguyên tắc điều kiện kinh doanh nước sạch; quy định thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nước sạch; quyền, nghĩa vụ của các tổ chức có liên quan.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này)

Điều 48. Quản lý hợp đồng cấp nước

Quy định nội dung kiểm soát chất lượng dịch vụ cấp nước giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp cấp nước và khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước; quy định các hợp đồng dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của các bên.

Điều 49. Quản lý đầu nối và chất lượng dịch vụ cấp nước

Quy định chất lượng dịch vụ cấp nước, nội dung đầu nối, chất lượng dịch vụ tại điểm đầu nối; các yêu cầu kỹ thuật về đầu nối; trách nhiệm đầu nối và tổ chức đầu nối.

Điều 50. Bảo đảm cấp nước an toàn

Quy định về bảo đảm cấp nước an toàn đối với hệ thống cấp nước; quy định nội dung, trách nhiệm quản lý, lập và thực hiện kế hoạch phát triển cấp nước

Mục 2

Quản lý dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Điều 51. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước và khách hàng thoát nước, xả thải

Điều 52. Hợp đồng thoát nước

Quy định nội dung, quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến hợp đồng quản lý vận hành công trình, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 53. Quản lý đầu nối hệ thống thoát nước

Quy định nội dung đầu nối, chất lượng, lưu lượng nước thải tại điểm đầu nối; các yêu cầu kỹ thuật về đầu nối; trách nhiệm đầu nối và tổ chức đầu nối.

Điều 54. Quản lý thoát nước an toàn và bền vững

Quy định về quản lý thoát nước an toàn và bền vững bao gồm kiểm soát thoát nước chống ngập, kiểm soát rủi ro ô nhiễm môi trường do nước thải và vệ sinh; quy định nội dung, trách nhiệm quản lý, lập và thực hiện

CHƯƠNG VI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC

Mục 1

Quản lý tài chính về cấp nước

Điều 55. Nguyên tắc xác định giá dịch vụ nước sạch

Điều 56. Quy định lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ nước sạch

Điều 57. Quản lý tài chính về cấp nước

Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư công trình cấp nước, cụ thể cấp nước cho dân cư nông thôn nghèo, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng khó khăn về nguồn nước, vùng chịu tác động lớn về biến đổi khí hậu; quản lý vốn nhà nước trong doanh nghiệp cấp nước; nguồn vốn nhà nước cho đầu tư phát triển cấp nước.

Mục 2

Quản lý tài chính về thoát nước và xử lý nước thải

Điều 58. Nguyên tắc xác định chi phí cấu thành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Điều 59. Quy định lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Điều 60. Quản lý tài chính về thoát nước và xử lý nước thải

Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ giá dịch vụ thoát nước; quản lý và sử dụng nguồn thu, chi từ dịch vụ thoát nước, vận hành công trình.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẤP, THOÁT NƯỚC

Điều 61. Nội dung quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

Quy định về quản lý đầu tư, phát triển; kiểm soát chất lượng dịch vụ; bảo đảm an ninh, an toàn cung cấp nước sạch, bảo vệ môi trường đối với nước thải; kiểm soát doanh nghiệp cổ phần hóa, tư nhân; chế tài xử lý vi phạm.

Điều 62. Trách nhiệm của Chính phủ

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải trong phạm vi cả nước

Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

Điều 64. Trách nhiệm của các Bộ và Cơ quan ngang Bộ

Điều 65. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Điều 66. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động và chất lượng dịch vụ cấp,

thoát nước

Điều 67. Thanh tra xử lý vi phạm

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 68. Điều khoản chuyên tiếp

Điều 69. Hiệu lực thi hành

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá ... , kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI